

TỪ NGỮ XUNG HÔ NƠI CỦA PHẬT

ADDRESSING WORDS IN BUDDHISM

LÊ THỊ LÂM
(ThS, Viện Ngôn ngữ học)

Abstract

In the communication context of Buddhist places, there exist regulated rules and non-regulated ones through the use of words by communicators. This is a varied and diversified context where different addressing words and phrases appear. Some of which come from daily life while others stem from Buddhism only. Besides, we can observe the mixture of the above two types.

1. Mở đầu

Đạo Phật được truyền vào Việt Nam khoảng từ thế kỉ thứ II đến thứ III, dần dà có sức bám rễ sâu sắc trong đời sống, trở thành một nét văn hóa không thể thiếu của người Việt. Du nhập vào Việt Nam, đạo Phật cũng mang theo một số lượng từ ngữ tương đối lớn, bổ sung và góp phần làm phong phú cho tiếng Việt, trong đó phải kể đến các từ ngữ dùng để xưng gọi.

Từ ngữ xưng gọi nói chung trong tiếng Việt đã được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau (với các tác giả Nguyễn Phú Phong, Bùi Minh Yên, Nguyễn Văn Chiến, Đỗ Kim Liên, Nguyễn Minh Thuyết)... hoặc trong một số tác phẩm văn học hay trong một địa phương nào đó (với các tác giả Lê Thanh Kim, Tạ Văn Thông, Phạm Văn Hảo...). Tuy nhiên việc nghiên cứu lớp từ ngữ xưng gọi gốc Phật giáo chưa nhiều, chỉ mới thấy có bài *Cách xưng gọi trong Phật giáo Việt Nam* của Thích Chân Tuệ [6]. Bài viết được trích dẫn nhiều lần trong các diễn đàn Phật giáo bởi tính

thiết thực của nó, nhất là trong khi ngày càng có nhiều người muốn tìm hiểu về đạo Phật như hiện nay.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, ở đây chỉ xin đi sâu nghiên cứu các từ ngữ này trong phạm vi không gian của Phật và sẽ trở lại phạm vi không gian ngoài của Phật khi có điều kiện. Trong bài sử dụng 598 từ ngữ được thống kê trong *Từ điển tiếng Việt* [8], *Từ điển Phật học Hán - Việt* [1] và trong đời sống hàng ngày của người miền Bắc. Theo quan niệm chung, xưng gọi là cách người nói tự xưng mình và gọi người trực tiếp đối thoại với mình. Sự lựa chọn từ ngữ xưng gọi trong giao tiếp thể hiện cách ứng xử của người nói: ứng xử với người tham gia giao tiếp với mình và với chính mình. Bài viết này nhằm tìm hiểu về hệ thống các từ ngữ xưng gọi và cách xưng gọi nơi của Phật, hướng tới sự chỉ dẫn cách sử dụng từ ngữ xưng gọi thích hợp hơn trong hoàn cảnh giao tiếp rất đặc biệt này.

2. Việc sử dụng từ ngữ xưng gọi nơi của Phật

2.1. Đặc điểm hội thoại trong không gian nơi cửa Phật

Cửa Phật là nơi tập trung của các sư, tăng, ni sinh hoạt, tu hành, và thuyết giảng đạo Phật. Tại nơi này, mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ tôn giáo. Vì thế, không gian nơi đây có nhiều đối tượng cùng tham gia giao tiếp. Đó có thể là những Phật tử xuất gia nói chuyện với nhau. Đó cũng có thể là nơi các Phật tử xuất gia nói chuyện với các Phật tử tại gia hay dân thường. Hoàn cảnh giao tiếp ở cửa Phật này có thể được xem là một trong những yếu tố quan trọng chi phối cách giao tiếp giữa người nói và người nghe.

Trong không gian giao tiếp nơi cửa Phật có thể thấy sự tồn tại của tính quy thức và phi quy thức qua các cách sử dụng ngôn từ của những người tham gia giao tiếp.

Tính quy thức được thuộc về những yêu cầu, những quy tắc, những nghi lễ... trong những hoàn cảnh giao tiếp hẹp. Đây là những ràng buộc mang tính quy phạm, theo chuẩn mực chung, mà các thành viên tham gia giao tiếp cần hiểu và thực hiện. Trong phạm vi quy thức này, nơi cửa Phật hầu như chỉ có các Phật tử, còn những người ngoại đạo ít tham gia hoặc đến với tư cách khách mời.

Tính phi quy thức thuộc về những hoàn cảnh giao tiếp không chịu hoặc ít ảnh hưởng chi phối của quy tắc luật lệ nghiêm ngặt nào. Các vai giao tiếp được tự do bộc lộ theo cách của riêng mình. Trong phạm vi phi quy thức này, ở cửa Phật, ngoài các Phật tử giao tiếp với nhau còn có những người tham gia giao tiếp với các Phật tử. Đây là phạm vi giao tiếp phong phú, đa dạng và rất phổ biến.

2.2. Xưng gọi giữa các Phật tử

2.2.1. Cách xưng gọi quy thức

Trong trường hợp này, được mang tính quy thức là cách xưng gọi trong các buổi lễ trong việc điều hành Phật sự của nơi cửa Phật, trong văn thư, giấy tờ hành chính. Các từ ngữ xưng gọi này được sử dụng là: *thầy, sư thầy, đại đức, thượng tọa, hòa thượng, đại đức ni, thượng tọa ni, hòa thượng ni, ni cô, sư cô, ni sư, chú tiểu, con...* Sau đây, chúng tôi xin đi sâu vào một số trường hợp.

Những người xuất gia nhỏ tuổi có thể được gọi là *chú tiểu (sa di)* hay *ni cô (sa di ni)*. *Chú tiểu* hay *ni cô, sa di* hay *sa di ni* là các từ ngữ dùng để gọi những vị xuất gia vừa ít tuổi đời, vừa ít tuổi đạo nhất. Đây là những từ ngữ để gọi chứ không phải để xưng, và đó là những từ ngữ không chỉ những Phật tử mới gọi nhau mà cả những chúng sinh ngoại đạo khi lên chùa vẫn có thể gọi những người xuất gia nhỏ tuổi như vậy.

Trong chùa, khi người tu hành đến hơn 20 tuổi đời và đạt đến một trình độ học vấn nhất định thì không gọi là *chú tiểu* hay *ni cô* nữa mà được gọi là *thầy, sư thầy* (nam) hay *sư cô* (nữ). Cũng như cách gọi *chú tiểu, ni cô*, cách gọi *thầy, sư thầy, sư cô* không chỉ được dùng trong xưng gọi mang tính quy thức mà còn được dùng ở phạm vi không mang tính quy thức.

Trong cách gọi quy thức nơi cửa Phật còn có *đại đức, thượng tọa, hòa thượng* (bên nam); *sư cô, ni sư, sư bà* (bên nữ). Trên thực tế, các từ ngữ *đại đức ni, thượng tọa ni*, hay *hòa thượng ni* chỉ dùng gọi chứ không dùng để xưng. Đối với các bậc hòa thượng trên 80 tuổi đời, được tôn xưng là *đại lão hòa thượng* hay *trưởng lão hòa thượng*, nhưng khi kí các thông bạch, các văn thư chính thức, họ vẫn tự xưng đơn giản là *tì kheo* hay *sa môn* (có nghĩa là “thầy tu”). Còn trong đời sống hàng ngày các bậc hòa thượng này thường xưng là *thầy*,

nhà chùa, chùa... Đây là cách xưng rất khiêm tốn.

Từ những phân tích trên, có thể liệt kê các từ ngữ xưng gọi quy thức giữa các Phật tử như sau (bảng 2.2.1):

Từ ngữ xưng gọi	xưng	gọi
Tuổi		
bắt đầu xuất gia, dưới 20 tuổi	<i>con</i>	<i>chú tiểu, ni cô, sa di, sa di ni</i>
đang tu, hơn 20 tuổi đời	<i>đại đức, thầy, sư thầy, cô, sư cô</i>	<i>đại đức, thầy, sư thầy, cô, sư cô</i>
20-40 tuổi đạo	<i>thượng tọa, ni sư</i>	<i>thượng tọa, ni sư</i>
40 – 60 tuổi đạo	<i>hòa thượng, sư bà, ni trưởng</i>	<i>hòa thượng, sư bà, ni trưởng</i>
60 tuổi đạo trở lên	<i>tì kheo, sa môn</i>	<i>đại lão hòa thượng, trưởng lão hòa thượng,</i>

Bảng 2.2.1: Các từ ngữ xưng gọi quy thức giữa các Phật tử

Từ bảng liệt kê trên, có thể nhận thấy:

Trong phạm vi quy thức, cách xưng gọi trong cửa Phật mang tính nghiêm ngặt, thường chỉ sử dụng các danh xưng được Hội đồng giáo phẩm có thẩm quyền xét duyệt và chấp thuận. Người nói căn cứ vào những danh xưng đã được cấp mà xưng, và cũng dựa vào danh xưng của đối tượng giao tiếp mà gọi người trò chuyện với mình. Vì vậy, xưng gọi trong phạm vi quy thức giữa các Phật tử tuân thủ theo một trật tự rõ ràng: bên nam có: *hòa thượng, tỳ kheo, sa môn, con*; bên nữ là *sư bà,*

ni sư, sư cô, ni cô, con. Bên cạnh các danh xưng được thụ phong như trên, còn có các từ ngữ xưng gọi là kết hợp giữa giáo phẩm và pháp danh (tên gọi khi xuất gia) như *hòa thượng Thích Chân Tuệ, hòa thượng Thích Quảng Đức* ... Trong thực tế, còn gặp cách xưng gọi giáo phẩm kết hợp với tên chùa như: *hòa thượng chùa Trấn Quốc, hòa thượng chùa Kim Liên*...

Trong giao tiếp mang tính quy thức của những người xuất gia, yếu tố tuổi đạo rất được coi trọng và xếp lên vị trí hàng đầu. Sự phong phú của các từ ngữ xưng gọi chủ yếu thuộc về “gọi” (chứ không phải “xưng”). Tuổi đời là yếu tố bổ sung cho tuổi đạo. Quan hệ huyết thống không chi phối việc xác lập các vai giao tiếp và lựa chọn các từ ngữ xưng gọi của những người xuất gia. Điều này dễ giải thích bởi mục đích của đạo Phật là giác ngộ mọi chúng sinh và tất cả chúng sinh trong thế gian này đều là anh em một nhà, đều là con của Đức Phật. Điều quan trọng là ai được giác ngộ trước, ai giác ngộ sau, vì thế tuổi đạo trở thành yếu tố chi phối cách xưng gọi. Cách xưng gọi cũng không bị chi phối bởi quan hệ huyết thống, bởi vì theo quan điểm nơi cửa Phật thì luyện ái thế tục là một nỗi khổ. Vì vậy, đạo chính là cánh cửa giúp chúng sinh giác ngộ được chân lí, thoát khỏi sự ám ảnh của “tham”, “sân”, “si”, để đến với cõi Niết bàn.

2.2.2. Cách xưng gọi phi quy thức

Xưng gọi phi quy thức là cách xưng gọi không bị chi phối nghiêm ngặt của những quy định như lễ hội hay hành chính. Vì vậy, cách xưng gọi này đương nhiên linh hoạt hơn cách xưng gọi mang tính quy thức.

Ở nơi cửa Phật, trước hết phải kể đến cách xưng gọi ở những người bậc dưới với những người bậc trên. Bậc thấp nhất trong quan hệ ở

nhà chùa là của những người vừa xuất gia đang tu học trong chùa. Người nói thuộc bậc này tự xưng mình là *con*, *sư đệ*, *sư muội* và *sư em*. Và các phật tử xuất gia này có thể gọi những người bậc trên trong quan hệ với mình như sau:

con - *tổ sư* (gọi những tôn đức đã viên tịch, được hậu thế truy phong)

con - *sư tổ* (gọi chư tôn đức lãnh đạo các tông phái còn tại thế)

con - *sư ông*, *sư cụ* (gọi những người là thầy của thầy mình)

con - *sư thúc*, *sư bá*, *sư bác*, *sư chú* (gọi những người có vị thế ngang với thầy mình)

con - *thầy*, *sư phụ*, *cô*, *sư cô* (gọi những người dạy mình)

sư đệ, *sư muội*, *sư em* – *sư huynh*, *sư anh*, *sư tỉ*, *sư chị* (gọi những người cùng tông môn, cùng sư phụ với mình và hơn tuổi)...

Thứ hai là cách xưng gọi những người cùng cấp bậc: Với những người cùng tông môn, cùng sư phụ và bằng tuổi, thì người nói tự xưng là *tôi* hoặc xưng pháp danh đồng thời gọi là *đạo hữu* (bạn cùng theo đạo), *pháp hữu* (bạn cùng tu theo giáo pháp). Tuy nhiên các từ ngữ dùng để xưng gọi mang ý nghĩa tương tự như *đạo hữu* và *pháp hữu* là *tín hữu* (bạn cùng tín ngưỡng, cùng đức tin) và *tâm hữu* (bạn cùng tâm, đồng lòng) lại không thấy xuất hiện trong xưng gọi giữa các phật tử.

Thứ ba là cách xưng gọi giữa những người những người bậc trên với những người bậc dưới thường đó là cách xưng gọi tương ứng đảo ngược lại với cách những người bậc dưới xưng với những người bậc trên. Nghĩa là ngoài việc xưng pháp danh có thể xưng *thầy* - gọi *con* (với học trò của mình). Với những người cùng tông môn, cùng sư phụ với mình và kém tuổi mình, thì người nói có thể tự xưng là *sư huynh*, *sư anh*, *sư tỉ*, *sư chị* và gọi

người nói chuyện với mình là *sư đệ*, *sư muội*, *sư em*...

Từ những phân tích trên, có thể liệt kê các từ ngữ xưng gọi phi quy thức giữa các phật tử như sau (bảng 2.2.2):

Từ ngữ xưng gọi Bậc	xưng	gọi
bậc dưới – bậc trên	<i>con</i>	<i>sư tổ</i> , <i>sư ông</i> , <i>sư cụ</i> , <i>sư thúc</i> , <i>sư bá</i> , <i>thầy</i> , <i>sư thầy</i> , <i>cô</i> , <i>sư cô</i> , <i>sư phụ</i> , <i>sư bác</i> , <i>sư chú</i> , <i>sư cô</i> ...
	<i>sư đệ</i> , <i>sư muội</i> , <i>sư em</i>	<i>sư huynh</i> , <i>sư anh</i> , <i>sư tỉ</i> , <i>sư chị</i>
cùng bậc	<i>tôi</i>	<i>đạo hữu</i> , <i>pháp hữu</i>
bậc trên – bậc dưới	<i>thầy</i> , <i>cô</i>	<i>con</i>
	<i>sư huynh</i> , <i>sư anh</i> , <i>sư tỉ</i> , <i>sư chị</i>	<i>sư đệ</i> , <i>sư muội</i> , <i>sư em</i>

Bảng 2.2.2: Các từ ngữ xưng gọi phi quy thức giữa các phật tử

Từ bảng liệt kê trên, có thể nhận thấy:

Do ảnh hưởng của giao tiếp trong gia đình và ngoài xã hội của người Việt mà nơi cửa Phật cũng xuất hiện các từ ngữ xưng gọi vốn dùng trong thể tục là *anh*, *chị*, *em*. Biểu hiện của nó là: thay vì gọi là *sư huynh*, *sư tỉ*, *sư đệ*, *sư muội*, thì người ta có thể gọi là *sư anh*, *sư chị*, *sư em*. Ví dụ:

- Sư anh đi đâu đấy, cho sư em đi cùng.

- Sư anh đi quét cửa chùa, sư em vào ôn bài đi.

Cùng với cách xưng gọi như giữa anh, chị với em, thì cách xưng gọi như giữa ông bà và cháu trong gia đình người Việt cũng đi vào cửa Phật, tạo thành các cặp xưng gọi với sự tham gia của các yếu tố này là *sur ông - sur cháu*. Tương tự như thế cũng có các từ ngữ xưng gọi *sur bác, sur chú - sur cháu*. Mặc dù xuất hiện khá muộn, nhưng các từ ngữ xưng gọi *sur anh, sur chị, sur em, sur ông, sur bác, sur chú - sur cháu* được cảm nhận giản dị, gần gũi hơn cách xưng gọi trước đây (*sur huynh, sur tử, sur tổ, sur bá, sur thúc*) rất nhiều. Thêm vào đó, các từ ngữ xưng gọi và cách xưng gọi này còn mang thêm bản sắc Việt.

Ngoài ra có thể thấy trong cách xưng gọi của tăng ni, phật tử có các từ ngữ xưng gọi của giao tiếp đời thường (*thầy, cô - con*). Không những thế còn có các từ ngữ xưng gọi quen thuộc không chỉ người xuất gia mới dùng mà có cả trong đời sống (nhất là các nghệ sĩ hay dùng) là *ấn sĩ, cư sĩ, nữ cư sĩ*... Có thể thấy, những cách xưng này đã đi vào đời sống và trở nên quen thuộc. Tuy nhiên cặp xưng gọi *thầy - em* trong chùa khác với cặp xưng gọi *thầy - em* trong đời sống. *Thầy* trong đời sống dùng để xưng gọi thì chỉ người đàn ông dạy học trong quan hệ với học sinh. Còn *thầy* trong chùa không chỉ riêng một giới nào cả, dùng để gọi với thái độ kính trọng cho cả nam và nữ mà không nhất thiết là người dạy mình.

Một đặc điểm nữa của các từ ngữ xưng gọi nơi cửa Phật là chúng có sự phân biệt yếu tố giới tính rõ nét. Sự phân biệt ấy rất rõ rệt từ khi còn nhỏ đến lớn. Vì thế những cậu bé xuất gia được gọi là *chú tiểu*, còn bé gái xuất gia được gọi là *ni cô*. Lớn lên những người này được xưng gọi theo một hệ thống xưng mang tính phân biệt giới tính nam nữ rõ ràng: bên nam có *đại đức, thượng tọa, hòa thượng*,

thầy, sư huynh, sư đệ, bên nữ có *sư cô, cô, ni sư, sư bà, sư tử, sư muội*.

Như vậy nếu xưng gọi ngoài xã hội bị chi phối bởi nhiều yếu tố như huyết thống, nội ngoại, tuổi tác, chức vị, nghề nghiệp... thì xưng gọi của những người theo đạo Phật ít bị chi phối từ những yếu tố vừa kể đến ở trên. Xưng gọi mang tính quy thức hầu như chỉ chú ý đến tuổi đạo, ít chú ý đến tuổi đời và không bị chi phối bởi yếu tố huyết thống, dòng tộc hay chức vụ. Xưng gọi không mang tính quy thức nơi cửa Phật cũng chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố tôn ti, tuổi tác nhưng không mang tính nghiêm ngặt hay áp buộc như cách xưng gọi trong đời sống hàng ngày.

2.3. Xưng gọi giữa các phật tử và những người ngoại đạo

Đối với những người ngoại đạo, việc tiếp xúc thường ít diễn ra trong những hoàn cảnh mang tính quy thức, nên ở đây xin không bàn đến. Sau đây, chỉ đi sâu vào cách xưng gọi mang tính không quy thức giữa các phật tử và những người ngoại đạo.

Khi tiếp xúc với phật tử lớn tuổi, thì các chúng sinh ngoại đạo thường đơn giản gọi bằng *thầy* và thường xưng là *con*. Và phật tử cũng tự xưng mình là *thầy* và gọi người ngoại đạo là *con*. Nhưng ở đây, cũng giống như cách gọi giữa các phật tử, cần lưu ý là từ *thầy* nơi cửa Phật dùng để chỉ cả hai giới (nam và nữ), khác với *thầy* trong xưng gọi ngoài xã hội.

Tuy nhiên ở những hoàn cảnh khác nhau, cách xưng gọi có thể linh hoạt hơn rất nhiều. Những người ngoại đạo tuổi đã cao thường chọn cách xưng *tôi* và gọi *thầy* trong giao tiếp với các phật tử. Ví dụ:

- Tôi kính thầy ạ.
- Vâng ạ!

Thông thường, các phật tử tự xưng mình là *bần tăng* và gọi những người không xuất gia là *thí chủ*. Ví dụ:

- Bần tăng *có thể giúp gì cho thí chủ?*
- Bạch thầy *con có chút chuyện cần thỉnh thầy!*

Đây là cách xưng gọi khiêm tốn theo nguyên tắc “xưng khiêm hô tôn” (*bần tăng* nghĩa là “nghèo khó” và *thí chủ* là “người cho”).

Cách gọi trong phạm vi này có thể linh hoạt sử dụng các từ ngữ để xưng là *thầy*, hay *cô*, và gọi nhân vật giao tiếp với mình là *đạo hữu*, hay *quí đạo hữu*. Cũng có khi những người xuất gia gọi những người không xuất gia bằng tên, có kèm theo (hay không kèm theo) từ ngữ xưng gọi thường dùng trong đời sống. Ví dụ: *thầy giáo An*, *bác sĩ Tiến*...

Thực tế thì những người ngoại đạo khi lên chùa gặp những người xuất gia thường gọi là *thầy*, *bạch thầy* và xưng *con*, không cần biết đến tuổi đạo hay tuổi đời của những người xuất gia trong quan hệ đối với mình. Hoặc họ gọi chung những người xuất gia là *sư*, *sư thầy* và xưng *con*. Tuy nhiên đối với những người xuất gia còn nhỏ tuổi thì họ vẫn thường gọi là *chú tiểu*, *ni cô* và xưng *tôi*. Các phật tử xuất gia tự xưng mình là *bần tăng* và gọi những người không xuất gia là *thí chủ*. Đôi khi họ còn xưng là *chùa*, *nhà chùa* và gọi người nghe là *thí chủ*.

Những từ ngữ xưng gọi ở trên là những từ ngữ mang tính chuẩn mực. Trên thực tế, do tác động của xã hội, có nhiều biến thể để người nói có thể lựa chọn trong phạm vi xưng gọi không mang tính quy thức này. Chẳng hạn:

Bên cạnh xưng *con* vẫn còn cách xưng *tôi*. Đáng lẽ phải gọi là *thầy* và xưng *con* thì vẫn thấy cách nói:

- Thầy đang chuẩn bị đi đâu đấy ạ? Tôi có thể đi cùng không ạ?

- Không dám phiền thí chủ, tôi ra ngoài một chút.

Do thói quen từ đời thường, vẫn có người ngoại đạo thậm chí xưng bằng *cháu*, *em*... với những người xuất gia. Ví dụ:

- Bạch thầy, *cho cháu hỏi đường lên đài*.

- Bạch thầy, *cho em hỏi lối lên đài*.

Trong những cuộc tiếp xúc mang tính cá nhân, những người xuất gia có thể gọi những người ngoại đạo, nhất là người thân trong gia đình của họ theo tôn ti, tuổi tác, quan hệ, như cách xưng gọi bình thường. Nghĩa là có thể dùng các từ ngữ xưng gọi như gọi tên hoặc gọi *cha*, *mẹ*, *anh*, *chị*, *em*, *cô*, *dì*, *chú*, *bác*...tùy theo quan hệ. Những người xuất gia này đã “lột xác”, trở thành những người bình thường như bao người khác. Và họ cũng nhận được cách đối xử bằng ngôn ngữ từ phía người đối thoại như thế.

Từ những phân tích trên, ngoài những từ ngữ xưng gọi được dùng trong những cuộc tiếp xúc cá nhân, có thể liệt kê các từ ngữ xưng gọi không mang tính quy thức giữa các phật tử và những người ngoại đạo như sau (bảng 2.3):

Từ ngữ xưng gọi Quan hệ	xưng	gọi
phật tử - ngoại đạo	<i>thầy, cô</i>	<i>con</i>
	<i>tôi, chúng tôi</i>	<i>con</i>
	<i>bần tăng</i>	<i>thí chủ</i>
	<i>chùa, nhà chùa</i>	<i>thí chủ</i>
ngoại đạo- phật tử	<i>con</i>	<i>thầy, bạch thầy, sư thầy, cô</i>
	<i>tôi</i>	<i>thầy, cô</i>

Bảng 2.3: Các từ ngữ xưng gọi không mang tính quy thức giữa các phật tử và những người ngoại đạo

Từ bảng liệt kê trên, có thể nhận thấy:

Các từ ngữ xưng gọi giữa phật tử và chúng sinh ngoại đạo thường linh hoạt và không mang tính chuẩn mực. Vì thế trong giao tiếp thấy có các cặp xưng gọi *thầy - tôi*; *thầy - em*; *thầy - cháu*. Cặp xưng gọi *thầy - tôi* là đã chịu tác động bởi yếu tố tuổi đời. Khi những người ngoại đạo nhận thấy mình nhiều tuổi hoặc bằng tuổi với người dạy mình, thì việc xưng *con* đối với người đối thoại của họ trở nên rất khó khăn. Truyền thống của phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng là coi trọng tuổi đời nên nhiều chúng sinh ngoại đạo khi lên chùa vẫn xưng *tôi* với những vị xuất gia bằng tuổi hoặc kém tuổi mình. Không chỉ những người ngoại đạo xưng *tôi* với các vị xuất gia, mà các vị xuất gia cũng xưng *tôi*, *chúng tôi* với học trò của mình và với những người ngoại đạo. Đây là cách xưng nhún nhường, khiêm tốn. Cách lựa chọn cặp xưng gọi *thầy - cháu*, *thầy - em* là chịu ảnh hưởng bởi yếu tố tuổi đời và sự tôn kính. Người xưng gọi này thấy mình ít tuổi và quy chiếu cách xưng gọi ngoài đời sống vào xưng gọi trong cửa Phật. Việc xưng *em* với *thầy*, *cô* cũng là cách xưng gọi ngoài đời không hợp với cửa Phật nhưng vẫn thấy có người dùng. Tuy nhiên cách xưng gọi *thầy*, *cô - em* được xem là không nên dùng trong không gian nơi cửa Phật, bởi có thể gây ra điều tiếng không hay. Cách xưng *tôi*, *cháu* và *em* với *thầy* *cô* được mang đến nơi cửa Phật là của những người mang thói quen ngoài đời vào, và được xem là do chưa hiểu đạo.

Quyền lực, địa vị có ảnh hưởng rất lớn đến xưng gọi trong đời sống và cũng ảnh hưởng phần nào đến cửa Phật, thậm chí đôi khi cũng quyết định việc lựa chọn các từ ngữ xưng gọi.

Vì vậy, trên thực tế vẫn thấy có hiện tượng xưng *tôi* với thầy cô. Cách xưng gọi này cũng không hợp, bởi vì quyền lực, địa vị, sang hèn chỉ có giá trị nơi thế tục, còn ở nơi cửa Phật, giàu có và sang trọng không thể sánh bằng đạo trong tâm.

3. Kết luận

Có thể nhận thấy sự khác biệt giữa xưng gọi nơi cửa Phật với xưng gọi trong đời sống như sau:

Trong đời sống có các đại từ: *tôi*, *tao*, *mày*, *chúng tôi*, *chúng ta*... thường được dùng để xưng gọi còn trong nhà chùa thì các đại từ này được dùng rất hạn chế. Trong chùa có thấy xuất hiện các đại từ *tôi*, *chúng tôi* nhưng không thường dùng. *Tôi*, *chúng tôi* chỉ được dùng trong phạm vi không mang tính quy thức.

Trong đời sống, có bao nhiêu “vai” trong họ tộc thì có chừng ấy các danh từ tương ứng: *bố*, *mẹ*, *anh*, *chị*, *em*, *chú*, *bác*, *dì*, *ông*, *cụ*,... Các từ ngữ này thường được dùng để xưng gọi trong tiếng Việt. Trong quan hệ thân tộc này, lựa chọn từ ngữ xưng gọi bị chi phối bởi luật tôn ti “tày củ khoai củ vai mà gọi”. Nghĩa là tầng bậc trong huyết tộc trực tiếp chi phối vai trong giao tiếp. Trong xưng gọi cửa Phật, mối quan hệ huyết tộc không chi phối vai trong giao tiếp. Dù trong đời sống có quan hệ huyết tộc với nhau nhưng khi vào cửa chùa nếu ai tu trước thì ở vai trên còn ai giác ngộ muộn thì vai thấp hơn. Ngoài đời, nếu không có quan hệ thân tộc thì vai giao tiếp bị chi phối bởi yếu tố tuổi đời. Cách xưng gọi trong phạm vi nhà chùa không như vậy: Yếu tố tuổi đời bị chi phối bởi tuổi đạo và là yếu tố phụ bổ sung cho cách lựa chọn các từ ngữ xưng gọi giao tiếp nơi cửa Phật.

Trong đời sống có các danh từ hoặc cụm từ chỉ chức vụ như *giáo sư, tiến sĩ, chủ tịch, thủ trưởng, kĩ sư, thầy (giáo), cô (giáo),...* dùng để xưng gọi. Nơi của Phật các từ chỉ chức vụ như trên không được dùng để xưng gọi mà chỉ có các từ ngữ chỉ giáo phẩm như *hòa thượng, đại lão hòa thượng, sư bà, sư cô...*

Qua khảo sát bước đầu có thể thấy số lượng từ ngữ xưng gọi được dùng nơi của Phật rất phong phú (*tổ sư, sư tổ, thầy, bạch thầy, sư thầy, cô, đại đức, thượng tọa, hòa thượng, đại đức ni, thượng tọa ni, hòa thượng ni, ni cô, đạo hữu, pháp hữu, sư cô, ni sư, sư bà, sư bá, sư bác, sư huynh, sư anh, sư muội, sư tử, sư chị, sư đệ, sư em, chú tiểu, con, bản tăng, thí chủ...*). Các từ ngữ xưng gọi nơi của Phật này có phạm vi sử dụng khác nhau. Có những từ ngữ xưng gọi trong đời sống (*thầy, cô, con, cô, dì, chú, bác...*). Có những từ ngữ chỉ dùng riêng cho nơi của Phật (*sư, sư thầy, bản tăng, thí chủ, hòa thượng, đại đức, thượng tọa, hòa thượng, sư cô, ni sư, sư bà, ni cô, chú tiểu...*). Và cũng có những từ ngữ là sự kết hợp của các từ ngữ vốn được dùng xưng gọi trong đời sống và xưng gọi trong chùa. Các từ ngữ *sư ông, sư anh, sư chị, sư em* ...chính là sự kết hợp các yếu tố như vậy (*sư* vốn chỉ được dùng xưng gọi trong chùa và *ông, anh, chị, em...* là từ dùng để xưng gọi ngoài cửa chùa).

Trong tìm hiểu các từ ngữ xưng gọi nơi của Phật, có thể nhận xét chung là: Bên cạnh những từ ngữ chỉ được dùng trong một phạm vi mang tính quy thức, có rất nhiều từ ngữ được dùng linh hoạt. Trong phạm vi quy thức có thể thấy rõ vai trò đi đầu của yếu tố tuổi đạo trong việc lựa chọn các từ ngữ xưng gọi. Trong phạm vi phi quy thức, có thể thấy bên cạnh tuổi đạo còn thấy tuổi đời, địa vị xã

hội... là những nhân tố chi phối cách xưng gọi của các thành viên tham gia giao tiếp. Tuy nhiên, nhìn chung các từ ngữ xưng gọi cũng như cách xưng gọi được dùng trong trường hợp này thường không câu nệ, không kiêu cách mà có thể biến đổi linh hoạt. Cách xưng gọi như vậy góp phần giúp mọi người khi đến nơi của Phật cảm thấy an lạc, thoải mái, hợp với tâm mình và theo đúng quan niệm của nơi của Phật.

Tài liệu tham khảo

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Phân viện nghiên cứu Phật học (2004), *Từ điển Phật học Hán - Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Hữu Đạt (2009), *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Chiến (1991), *Sắc thái địa phương của các danh từ thân tộc trong tiếng Việt*, Ngôn ngữ, số 2.
4. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội - Những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Lê Thanh Kim (2002), *Từ xưng gọi và cách xưng gọi trong các phương ngữ tiếng Việt, Luận án tiến sĩ ngữ văn*, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
6. Thích Chân Tuệ, *Cách xưng gọi trong Phật giáo*.

http://www.buddhismtoday.com/viet/vh/cach_xungho_pg.htm.

7. Bùi Thị Minh Yến (2004), *Ngôn ngữ xưng gọi tiếng Việt*, Công trình cấp Viện, Viện Ngôn ngữ học.
8. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
9. <http://www.phatgiao.vn>

(Ban Biên tập nhận bài ngày 28-12-2011)